Phụ lục 102

BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ ĐỨC LẬP

I. Bảng giá nhóm đất nông nghiệp

1. Đất trồng cây hằng năm; đất trồng cây lâu năm; đất rừng sản xuất; đất nuôi trồng thủy sản:

ĐVT: 1.000 đồng/m^2

STT	Loại đất	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
1	Đất trồng cây hằng năm *(gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hằng năm khác)*	85	67	55	45
2	Đất trồng cây lâu năm	134	97	65	54
3	Đất rừng sản xuất	24	21	18	15
4	Đất nuôi trồng thủy sản	44	37	31	26

2. Đất rừng phòng hộ; đất rừng đặc dụng: Giá đất được xác định bằng 80% giá đất rừng sản xuất cùng vị trí.

3. Đất chăn nuôi tập trung: Giá đất được xác định bằng 110% giá đất trồng cây hằng năm hoặc đất trồng cây lâu năm (chọn loại có giá cao hơn), cùng vị trí.

4. Đất nông nghiệp khác: Giá đất được xác định bằng 120% giá đất trồng cây hằng năm hoặc đất trồng cây lâu năm (chọn loại có giá cao hơn), cùng vị trí.

5. Đất nông nghiệp trong khu dân cư, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có nhà ở: Giá đất được xác định bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại đất đang sử dụng, cùng vị trí, nhưng mức giá tối đa không cao hơn giá đất phi nông nghiệp tại vị trí của thửa đất nông nghiệp đó; trường hợp theo quy định không xác định được loại đất nông nghiệp đang sử dụng thì xác định theo loại đất của diện tích đất nông nghiệp liền kề hoặc gần nhất (chọn theo loại đất có diện tích lớn nhất và theo thứ tự nếu không xác định được theo diện tích liền kề thì xác định theo diện tích đất gần nhất).

II. Bảng giá nhóm đất phi nông nghiệp

1. Đất ở:

ĐVT: 1.000 đồng/m^2

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
I	**Xã Đức Lập (TT Đắk Mil cũ)**	
1	**Đường Nguyễn Tất Thành (Quốc lộ 14)**	
	Từ đường Nguyễn Chí Thanh đến hết ngã ba đường Trần Phú	13.510
	Từ hết ngã ba đường Trần Phú đến hết Trường THCS Nguyễn Tất Thành	12.867
	Từ hết Trường THCS Nguyễn Tất Thành đến giáp ranh xã Thuận An	7.518

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
2	**Đường Trần Hưng Đạo (Quốc lộ 14)**	
	Từ đường Nguyễn Chí Thanh đến hết ngã ba đường N'Trang Lơng	13.130
	Từ hết ngã ba đường N'Trang Lơng đến hết ngã tư đường Hoàng Diệu	8.974
	Từ hết ngã tư đường Hoàng Diệu đến hết ngã tư đường Y Jút	7.165
	Từ hết ngã tư đường Y Jút đến giáp ranh xã Thuận An	6.549
3	**Đường Nguyễn Chí Thanh (Quốc lộ 14C)**	
	Từ đường Nguyễn Tất Thành đến hết Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	6.421
	Từ hết Trường THCS Nguyễn Chí Thanh đến hết đường vào Hội trường thôn 3	3.577
	Từ hết đường vào Hội trường thôn 3 đến giáp ranh xã Thuận An	2.439
4	**Đường Lê Duẩn**	
	Từ đường Nguyễn Tất Thành đến hết ngã ba đường Đinh Tiên Hoàng	7.489
	Từ hết ngã ba đường Đinh Tiên Hoàng đến hết ngã ba đường Nguyễn Trãi	6.106
	Từ hết ngã ba đường Nguyễn Trãi đến hết ngã ba đường Hùng Vương	4.476
5	**Đường Hùng Vương**	
	Từ đường Trần Hưng Đạo đến hết ngã ba đường Nguyễn Khuyến	8.547
	Từ hết ngã ba đường Nguyễn Khuyến đến hết ngã ba đường Nguyễn Thị Định	7.580
	Từ hết ngã ba đường Nguyễn Thị Định đến đường Lê Duẩn	4.872
6	**Đường Trần Phú**	
	Từ đường Nguyễn Tất Thành đến hết cổng Trường Trần Phú	2.770
	Từ hết cổng Trường Trần Phú đến hết ngã ba đường Trần Phú - Nguyễn Thái Học	2.382
	Từ hết ngã ba đường Trần Phú - Nguyễn Thái Học đến đường Nguyễn Chí Thanh	2.226
7	**Đường Lê Lợi**	
	Từ đường Nguyễn Tất Thành đến đường Lý Thái Tổ	2.607
	Từ đường Lý Thái Tổ đến đường Lý Thường Kiệt	2.338
8	**Đường Ngô Quyền**	
	Từ đường Trần Phú đến giáp ranh xã Thuận An	1.228
9	**Đường Nguyễn Du**	
	Từ đường Hùng Vương đến hết ngã ba đường Huy Cận	4.483
	Từ hết ngã ba đường Huy Cận đến giáp ranh xã Thuận An	2.868
10	**Các tuyến đường còn lại đấu nối đường Nguyễn Du**	
	Từ đường Nguyễn Du đến đường Hồ Xuân Hương	2.433
	Từ đường Nguyễn Du đến Km 0 + 100m (xã Đức Minh cũ)	1.972
	Từ Km 0 + 100m (xã Đức Minh cũ) đến Km 0 + 200m (xã Đức Minh cũ)	1.410
	Từ Km 0 + 200m (xã Đức Minh cũ) trở đi	728
11	**Đường Huy Cận**	
	Từ Km 0 (đường Nguyễn Du) đến Km 0 + 100m (mỗi bên 100m)	2.385
	Từ Km 0 (đường Nguyễn Du) + 100m (mỗi bên 100m) đến đường Hồ Xuân Hương	1.558
	Từ Km 0 (đường Nguyễn Du) + 100m đến hết đường Huy Cận	1.766
12	**Đường phân lô khu tái định cư thôn 6 đấu nối với đường Nguyễn Du**	2.145
13	**Đường phân lô khu tái định cư thôn 6 không đấu nối với đường Nguyễn Du**	1.281
14	**Đường N'Trang Lơng**	
	Từ đường Trần Hưng Đạo đến hết phân hiệu Trường mầm non Hoa Hồng	3.570

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Từ hết phân hiệu Trường mầm non Hoa Hồng đến đường đi Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	3.499
	Từ đường đi Trường THCS Nguyễn Chí Thanh đến đường Nguyễn Chí Thanh	2.189
15	**Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm**	
	Từ đường Nguyễn Chí Thanh đến ngã ba đường N'Trang Lơng	1.213
16	**Đường Lý Thái Tổ**	
	Từ đường Ngô Gia Tự đến đường Lê Lợi	2.588
17	**Đường Hàm Nghi**	
	Từ đường Ngô Gia Tự (nhà bà Sự) đến đường Lê Lợi	2.491
18	**Đường Lê Hồng Phong**	
	Từ đường Nguyễn Tất Thành đến đường Lý Thường Kiệt	2.616
19	**Đường Ngô Gia Tự**	
	Từ đường Nguyễn Tất Thành đến đường Lý Thường Kiệt	2.525
20	**Đường Lý Tự Trọng**	
	Từ đường Nguyễn Tất Thành đến đường Lý Thường Kiệt	2.534
21	**Đường Quang Trung**	
	Từ đường Nguyễn Tất Thành đến hết ngã ba đường Lý Thường Kiệt	4.070
	Từ hết ngã ba đường Lý Thường Kiệt đến đường Lê Duẩn	3.154
22	**Đường Văn Tiến Dũng**	
	Từ Km 0 (đường Trần Hưng Đạo) đến Km 0 + 200m	2.968
	Từ Km 0 + 200m đến đường Xuân Diệu	2.529
23	**Đường Bà Triệu**	
	Từ Km 0 (đường Trần Hưng Đạo) đến Km 0 + 200m	2.909
	Từ Km 0 + 200m đến đường Xuân Diệu	2.508
24	**Đường Phan Đăng Lưu**	
	Từ đường Xuân Diệu đến hết đường Phan Đăng Lưu	1.742
25	**Đường Cù Chính Lan**	
	Từ Km 0 (đường Trần Hưng Đạo) đến Km 0 + 100m	2.162
	Từ Km 0 + 100m đến đường Huỳnh Thúc Kháng	1.849
26	**Đường Cao Thắng**	
	Từ Km 0 (đường Trần Hưng Đạo) đến Km 0 + 100m	2.205
	Từ Km 0 + 100m đến đường Huỳnh Thúc Kháng	1.886
27	**Đường Nguyễn Hữu Thọ**	
	Từ Km 0 (đường Trần Hưng Đạo) đến Km 0 + 100m	2.411
	Từ Km 0 + 100m đến đường Huỳnh Thúc Kháng	2.033
	Từ đường Huỳnh Thúc Kháng đến đường Xuân Diệu	2.033
28	**Đường Huỳnh Thúc Kháng**	
	Từ đường Phan Đăng Lưu đến hết ngã ba đường Cao Thắng	2.133
	Từ hết ngã ba đường Cao Thắng đến hết đường Huỳnh Thúc Kháng	2.069
29	**Các đường thôn 5 đấu nối với đường Trần Hưng Đạo**	
	Từ Km 0 (đường Trần Hưng Đạo) đến Km 0 + 100m	1.657
	Từ Km 0 + 100m đến trên 100m	1.447
	Từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Xuân Diệu (đối diện với Hoa viên Hồ Tây)	3.595
30	**Các đường thôn 5 không đấu nối với đường Trần Hưng Đạo**	1.270
31	**Đường Hoàng Diệu**	
	Từ Km 0 (đường Trần Hưng Đạo) đến Km 0 + 100m	2.249

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Từ Km 0 + 100m đến Km 0 + 300m	1.729
	Từ Km 0 + 300m đến đường N'Trang Lơng	1.538
32	**Đường Y Jút**	
	Từ Km 0 (đường Trần Hưng Đạo) đến Km 0 + 200m	1.815
	Từ Km 0 + 200m hết đường Y Jút	1.523
33	**Đường thôn 3, thôn 4 đấu nối với đường Trần Hưng Đạo**	
	Từ Km 0 (đường Trần Hưng Đạo) đến Km 0 + 100m	1.748
	Các đường còn lại của thôn 3, 4	1.017
34	**Đường Trần Nhân Tông**	
	Từ đường Nguyễn Tất Thành đến đường Trần Phú	4.274
35	**Đường vào cổng phụ chợ Thị trấn Đắk Mil cũ**	
	Từ đường Trần Nhân Tông đến đường Trần Phú	2.761
36	**Đường Kim Đồng**	
	Từ đường Nguyễn Tất Thành đến hết Trường mẫu giáo Hướng Dương	1.961
37	**Đường Nguyễn Trung Trực**	
	Từ đường Nguyễn Tất Thành đến hết Trường mẫu giáo Hướng Dương	1.961
38	**Đường Lý Thường Kiệt**	
	Từ đường Lê Duẩn đến đường Quang Trung	3.261
	Từ đường Quang Trung đến đường Phan Bội châu	2.646
39	**Đường Nguyễn Tri Phương**	
	Từ đường Lê Duẩn đến đường Hùng Vương	2.478
40	**Đường Nguyễn Khuyến**	
	Từ đường Lê Duẩn đến đường Hùng Vương	2.987
41	**Các đường thôn 7, thôn 8 nối với đường Lê Duẩn hoặc đường Hai Bà Trưng**	1.270
42	**Các đường còn lại của thôn 7, thôn 8**	1.106
43	**Đường Hai Bà Trưng**	
	Từ đường Nguyễn Tri Phương đến đường Hùng Vương	2.181
44	**Đường Võ Thị Sáu**	
	Từ đường Nguyễn Tri Phương đến đường Nguyễn Khuyến	2.181
45	**Đường Đinh Tiên Hoàng**	
	Từ Km 0 (đường Lê Duẩn) đến Km 0 + 200m	2.395
	Từ Km 0 + 200m đến Km 0+450m	2.281
	Từ Km 0+450m đến đường Đ16	1.523
	Từ đường Đ16 đến hết đường	1.037
46	**Đường Nguyễn Bá Ngọc**	
	Từ đường Trương Công Định đến đường Phan Bội Châu	1.834
47	**Đường thôn 9 đấu nối với đường Đinh Tiên Hoàng**	
	Từ đường Đinh Tiên Hoàng đến đường Nguyễn Bá Ngọc	2.395
48	**Đường Trương Công Định**	
	Từ đường Lê Duẩn (đối diện cổng Trường THPT Đắk Mil) đến đường Hoàng Quốc Việt	2.353
49	**Các trục đường còn lại của thôn 9**	1.046
50	**Đường Phan Bội Châu**	
	Từ đường Đinh Tiên Hoàng đến đường Nguyễn Viết Xuân	2.625
	Từ đường Nguyễn Viết Xuân đến đường Lý Thường Kiệt	2.381
51	**Đường Nguyễn Trãi**	
	Trọn đường	1.615

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
52	**Đường Hoàng Văn Thụ**	
	Trọn đường	1.648
53	**Đường Nguyễn Viết Xuân**	
	Trọn đường	1.583
54	**Đường thôn 9 (sát Trường PTDTNT, THCS, THPT Đắk Mil)**	
	Từ đường Lê Duẩn đến đường Quang Trung	2.244
55	**Đường Mạc Thị Bưởi**	
	Từ đường Nguyễn Tất Thành (nhà ông Hùng Mai) đến nhà ông Chinh (hết Trường PTDTNT, THCS, THPT Đắk Mil)	1.815
56	**Đường Hoàng Quốc Việt**	
	Từ đường Quang Trung đến đường Trương Công Định	1.844
57	**Đường Nguyễn Đức Cảnh**	
	Từ đường Phan Bội Châu đến đường Lê Anh Xuân	1.517
58	**Đường Văn Cao**	
	Từ đường Nguyễn Đức Cảnh đến đường Nguyễn Trãi	1.573
	Từ đường Nguyễn Trãi đến đường Nơ Trang Gul	1.071
59	**Đường Hồ Tùng Mậu**	
	Từ đường Nguyễn Trãi đến đường Nguyễn Đức Cảnh	1.557
60	**Các trục đường còn lại của thôn 10**	1.036
61	**Đường Nguyễn Bính**	
	Từ đường Phan Bội châu đến đường Tô Hiến Thành	1.509
62	**Đường Tô Hiến Thành**	
	Từ Hội trường thôn 9 đến đường Trương Công Định	1.560
63	**Đường Đặng Thùy Trâm**	
	Từ Trường mầm non Sao Mai đến đường Trương Công Định	1.576
64	**Đường thôn 1 đấu nối với đường Nguyễn Tất Thành vào 100m**	2.200
65	**Các đường còn lại của thôn 1**	1.270
66	**Đường Nguyễn Thái Học**	
	Km 0 (đường Nguyễn Tất Thành) + 100m	3.780
	Từ Km 0 + 100m đến đường Trần Phú	3.128
67	**Đường Mai Hắc Đế**	
	Từ đường Trần Nhân Tông đến đường Nguyễn Thái Học	2.817
68	**Đường Phạm Ngọc Thạch**	
	Từ đường Lê Hồng Phong đến đường Lê Lợi	1.729
69	**Đường Xuân Diệu**	
	Từ Hoa viên đến hết ngã ba đường Bà Triệu	2.489
	Từ ngã ba đường Bà Triệu đến hết đường Xuân Diệu	2.249
70	**Đường Hồ Xuân Hương**	
	Từ đường Nguyễn Du đến hết đất nhà ông Trịnh Hùng Trang	2.641
	Từ hết đất nhà ông Trịnh Hùng Trang đến giáp ranh xã Thuận An	2.249
71	**Đường Đỗ Nhuận**	
	Trọn đường	968
72	**Đường Nguyễn Thị Định**	
	Từ đường Hùng Vương đến đường Hai Bà Trưng	1.487
73	**Đường Nơ Trang Gul**	
	Từ đường Lê Duẩn đến đường Nguyễn Trãi	1.494
	Các đường đấu nối với đường Nơ Trang Gul	1.071
74	**Đường Nguyễn Văn Trỗi**	

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Từ đường N'Trang Lơng đến đường Nguyễn Chí Thanh	3.429
75	**Các đường phân lô Quảng trường đấu nối với đường Trần Hưng Đạo (Quốc lộ 14)**	3.549
76	**Các đường phân lô khu Hoa viên và khu dân cư mới thôn 5 đấu nối với đường Trần Hưng Đạo (Quốc lộ 14)**	3.529
77	**Các đường phân lô khu Hoa viên và khu dân cư mới thôn 5 song song với đường Trần Hưng Đạo (Quốc lộ 14)**	2.353
78	**Các đường còn lại của thôn 5**	1.053
79	**Đường giáp ranh xã Thuận An**	
	Từ Quốc lộ 14C đến đường Y Jút	1.058
80	**Các đường còn lại của thôn 2**	1.332
81	**Đường Lê Anh Xuân**	
	Từ đường Đinh Tiên Hoàng đến đường Nguyễn Viết Xuân	643
82	**Các đường còn lại của thôn 6**	1.037
83	**Đường thôn 4 không đấu nối Quốc lộ 14 (song song đường Trần Hưng Đạo)**	
	Từ đầu ngã ba nhà bà Lai đến hết nhà trọ ông Hoàng Văn Hoan	904
84	**Đất ở các khu dân cư còn lại**	612
II	**Xã Đức Lập (xã Đức Minh cũ)**	
1	**Các đoạn đường nằm trên tuyến Tỉnh lộ 683 (giáp thị trấn Đắk Mil cũ đến giáp Tỉnh lộ 682 ngã tư đường mới)**	
	Từ đường Hùng Vương đến hết đường vào Trường THCS Chu Văn An	2.696
	Từ hết đường vào Trường THCS Chu Văn An đến Đại lý cà phê Lệ Chuân	3.912
	Từ Đại lý cà phê Lệ Chuân đến giáp đường vào Trường TH Bùi Thị Xuân	2.235
	Từ giáp đường vào Trường TH Bùi Thị Xuân đến Tỉnh lộ 682	2.353
2	**Đường tuyến huyện (cũ)**	
	Từ Nhà thờ xã Đoài đến đường đất lên Bệnh viện mới	978
	Từ ngã ba Nhà thờ Vinh An đến Đại lý Hiệp Thúy	2.140
	Từ Đại lý Hiệp Thúy đến Trung tâm giống thủy sản	486
	Từ Trung tâm giống thủy sản đến hết Bon Jun Jun	463
	Từ Cây xăng ông Đoài đến cầu máy giấy	1.043
	Từ cầu máy giấy đến hết đường bê tông thôn Xuân Thành giáp xã Đắk Song	510
3	**Các tuyến đường nội thôn kết nối với đường Tỉnh lộ 683 (vào 200m)**	
	Thôn Đức Đoài	500
	Thôn Minh Đoài	500
	Thôn Mỹ Yên	500
	Thôn Kẻ Đọng	500
	Thôn Bình Thuận	500
	Thôn Vinh Đức	500
4	**Các tuyến đường nội thôn kết nối với đường Tỉnh lộ 683 (200m trở lên) và tuyến đường nội thôn còn lại song song và không kết nối với đường Tỉnh lộ 683**	
	Thôn Đức Đoài	358
	Thôn Minh Đoài	358
	Thôn Mỹ Yên	358
	Thôn Kẻ Đọng	358
	Thôn Bình Thuận	358
	Thôn Vinh Đức	358

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
5	**Các tuyến đường nội thôn kết nối với đường DH 32 (vào 200m)**	
	Thôn Xuân Trang	486
	Thôn Thanh Lâm	486
	Thôn Xuân Sơn	456
	Thôn Xuân Thành	456
6	**Các tuyến đường nội thôn kết nối với đường DH 32 (200m trở lên) và không kết nối với đường DH 32**	
	Thôn Xuân Trang	350
	Thôn Thanh Lâm	350
	Thôn Xuân Sơn	350
	Thôn Xuân Thành	350
7	**Các tuyến đường nội thôn kết nối với đường Tỉnh lộ 682 (đến 200m)**	
	Thôn Xuân Hòa	417
8	**Các tuyến đường nội thôn kết nối với đường Tỉnh lộ 682 (200m trở lên) và không kết nối với đường Tỉnh lộ 682**	
	Thôn Xuân Hòa	368
9	**Đường nội thôn Bon Jun Jun và khu dân cư còn lại**	244
10	**Đường thôn Xuân Phong**	
	Từ Km 0 (Tỉnh lộ 683) đến Km 0 + 200m	441
	Từ Km 0 + 200m đến hết đường	368
	Các tuyến đường nội thôn không kết nối với Tỉnh lộ 683	368
	Từ Km 0 (Tỉnh lộ 682) đến Km 0 + 200m	417
	Từ Km 0 + 200m đến hết đường	368
	Các tuyến đường nội thôn song song và không kết nối với Tỉnh lộ 682	368
11	**Các tuyến đường đấu nối với đường Nguyễn Du**	1.823
12	**Các tuyến đường đấu nối với đường tuyến huyện (cũ)**	
	Từ Nhà thờ xã Đoài đến đường đất lên Bệnh viện mới (vào đến 100m)	931
13	**Đường thôn Mỹ Hòa**	
	Từ giáp ranh Nhà thờ Giáo họ Mỹ Yên (đất ông Nguyễn Xuân Kiều) đến nhà ông Nguyễn Đình Khiêng	368
	Từ nhà ông Nguyễn Đình Khiêng đến nhà ông Võ Văn Sinh	330
	Các tuyến đường nội thôn Mỹ Hòa còn lại kết nối với hai trục đường chính (đến 100m)	305
14	**Đường thôn Thanh Hà**	
	Từ giáp ranh Nhà thờ Giáo họ Thanh Sơn đến hết trục đường chính thôn Thanh Hà	368
	Các tuyến đường nội thôn Thanh Hà còn lại kết nối với trục đường chính (đến 100m)	305
15	**Đường thôn Thanh Sơn**	
	Từ giáp ranh Nhà thờ Giáo họ Thanh Sơn đến hết trục đường chính thôn Thanh Sơn	368
	Các tuyến đường nội thôn Thanh Sơn còn lại kết nối với trục đường chính (đến 100m)	305
III	**Xã Đức Lập (xã Đức Mạnh cũ)**	
1	**Quốc lộ 14**	
	Từ giáp xã Thuận An đến Trường mẫu giáo Thần Tiên	4.241
	Từ Trường mẫu giáo Thần Tiên đến đường vào Trường Lê Quý Đôn	2.829
	Từ đường vào Trường Lê Quý Đôn đến Hợp tác xã Mạnh Thắng (cũ)	2.915

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Từ Hợp tác xã Mạnh Thắng cũ đến Nhà máy nước Dawa	1.702
	Từ Nhà máy nước Dawa đến Cây xăng Thanh Hằng	1.664
	Từ Cây xăng Thanh Hằng đến giáp ranh xã Đắk Mil	940
2	**Tỉnh lộ 682**	
	Từ ngã ba Đức Mạnh (Km 0 Quốc lộ 14) đến Km 0 + 200m	1.247
	Từ Km 0 + 200 m đến ngã ba đường vào Nghĩa địa Bắc Ái (Đức Hiệp)	1.166
	Từ ngã ba đường vào Nghĩa địa Bắc Ái (Đức Hiệp) đến hết Cầu Đức Lễ (cũ)	969
	Từ cầu Đức Lễ (cũ) đến ngã ba Thọ Hoàng (đi Đắk Sắk)	840
	Từ ngã ba Thọ Hoàng (đi Đắk Sắk) đến cầu trắng	2.747
	Từ cầu trắng đến giáp ranh xã Đắk Song	1.815
3	**Đường vào Đức Lệ (đường liên xã)**	
	Từ Km 0 (Quốc lộ 14) đến giáp Trạm Y tế xã Đức Mạnh cũ	783
	Từ giáp Trạm Y tế xã Đức Mạnh cũ đến cầu Đức Lễ (mới)	441
	Từ cầu Đức Lễ mới đến Tỉnh lộ 683	574
4	**Đường liên xã Đức Mạnh - Đắk Sắk**	
	Từ Tỉnh lộ 682 đến giáp ranh xã Đắk Sắk	524
5	**Đường D16**	
	Từ Km 0 (Quốc lộ 14) đến Km 0 + 300m	1.141
	Từ Km 0 + 300m đến đoạn đường bê tông nội thôn Đức Đoài kết nối với đường Tỉnh lộ 683	906
6	**Đường vào Nghĩa địa Vinh Hương, Đức Nghĩa, Đức Vinh**	
	Từ Km 0 (Quốc lộ 14) đến Km 0 + 300m	368
7	**Đường vào nhà bà Tợi thôn Đức Vinh**	
	Từ Km 0 (Quốc lộ 14) đến Km 0 + 300m	368
8	**Đường vào Nghĩa địa Bắc Ái thôn Đức Trung - Đức Ái**	
	Từ Km 0 (Quốc lộ 14) đến Km 0 + 300m	299
9	**Đường vào Trường Phan Bội Châu thôn Đức Phúc - Đức Lợi**	
	Từ Km 0 (Quốc lộ 14) đến Km 0 + 400m	299
10	**Đường ông Hồng thôn Đức Phúc - Đức An - Đức Thuận**	
	Từ Km 0 (Quốc lộ 14) đến Km 0 + 500m	299
11	**Đường ông Vinh thôn Đức An - Đức Thuận**	
	Từ Km 0 (Quốc lộ 14) đến Km 0 + 300m	299
12	**Đường thôn Đức Sơn (đường cây xăng Phúc Duy)**	
	Từ Km 0 (Quốc lộ 14) đến giáp thôn Đức Bình	299
13	**Đường thôn Đức Thắng (đường ông Lê)**	
	Từ Km 0 (Quốc lộ 14) đến Km 0 + 700m	299
14	**Đường thôn Đức Thành (đường ông Liệu)**	
	Từ Km 0 (Quốc lộ 14) đến Km 0 + 500m	368
15	**Đường thôn Đức Trung - Đức Ái**	
	Từ Km 0 (Quốc lộ 14) đến Km 0 + 200m	368
16	**Đất ở các khu dân cư còn lại thôn Đức Tân, Đức Ái, Đức Trung**	348
17	**Đất ở các thôn Đức Nghĩa, Đức Vinh, Đức Sơn, Đức Bình, Đức Thành, Đức Thắng, Đức Lợi, Đức Phúc, Đức Lễ A, Đức Lễ B, Đức Lộc, Đức Thuận, Đức An, Đức Hiệp, Đức Hòa**	225
18	**Đường thôn Đức Bình**	
	Từ Quốc lộ 14 (Km 0) đến Chùa Thiện Đức	428
	Từ đường vào Chùa Thiện Đức đến giáp đất Thao trường thôn Đức Bình	451

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Từ đất Thao trường thôn Đức Bình đến tiếp giáp khu vực Làng Dao	298
	Đường giao thông khu vực Làng Dao, thôn Đức Bình	181
19	**Các đường nhánh có đấu nối với Quốc lộ 14 còn lại**	
	Từ Km 0 (Quốc lộ 14) đến Km 0 + 200m	453
	Từ Km 0 + 200m trở đi	337

2. Đất thương mại, dịch vụ (TMDV); đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (CSSXPNN); đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (HĐKS):

ĐVT: 1.000 đồng/m^2

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất TMDV	Giá đất CSSX PNN	Giá đất HĐKS
I	**Xã Đức Lập (TT Đắk Mil cũ)**			
1	**Đường Nguyễn Tất Thành (Quốc lộ 14)**			
	Từ đường Nguyễn Chí Thanh đến hết ngã ba đường Trần Phú	10.808	9.457	9.457
	Từ hết ngã ba đường Trần Phú đến hết Trường THCS Nguyễn Tất Thành	10.294	9.007	9.007
	Từ hết Trường THCS Nguyễn Tất Thành đến giáp ranh xã Thuận An	6.014	5.263	5.263
2	**Đường Trần Hưng Đạo (Quốc lộ 14)**			
	Từ đường Nguyễn Chí Thanh đến hết ngã ba đường N'Trang Lơng	10.504	9.191	9.191
	Từ hết ngã ba đường N'Trang Lơng đến hết ngã tư đường Hoàng Diệu	7.179	6.282	6.282
	Từ hết ngã tư đường Hoàng Diệu đến hết ngã tư đường Y Jút	5.732	5.016	5.016
	Từ hết ngã tư đường Y Jút đến giáp ranh xã Thuận An	5.239	4.584	4.584
3	**Đường Nguyễn Chí Thanh (Quốc lộ 14C)**			
	Từ đường Nguyễn Tất Thành đến hết Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	5.137	4.495	4.495
	Từ hết Trường THCS Nguyễn Chí Thanh đến hết đường vào Hội trường thôn 3	2.862	2.504	2.504
	Từ hết đường vào Hội trường thôn 3 đến giáp ranh xã Thuận An	1.951	1.707	1.707
4	**Đường Lê Duẩn**			
	Từ đường Nguyễn Tất Thành đến hết ngã ba đường Đinh Tiên Hoàng	5.991	5.242	5.242
	Từ hết ngã ba đường Đinh Tiên Hoàng đến hết ngã ba đường Nguyễn Trãi	4.885	4.274	4.274
	Từ hết ngã ba đường Nguyễn Trãi đến hết ngã ba đường Hùng Vương	3.581	3.133	3.133
5	**Đường Hùng Vương**			
	Từ đường Trần Hưng Đạo đến hết ngã ba đường Nguyễn Khuyến	6.838	5.983	5.983
	Từ hết ngã ba đường Nguyễn Khuyến đến hết ngã ba đường Nguyễn Thị Định	6.064	5.306	5.306